

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ NGÀ *

Đại hội X của Đảng ta đã chỉ rõ, phải thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Như thế tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội là mục tiêu vươn tới của xã hội ta. Trong 20 năm qua chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu rất cơ bản về tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được hiện nay chúng ta cũng đang đứng trước một loạt vấn đề cần giải quyết. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải có giải pháp để ngày càng thực hiện tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

TĂNG trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội là mục tiêu vươn tới của xã hội văn minh, giữa chúng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Quá chú trọng tới tăng trưởng, không quan tâm giải quyết vấn đề công bằng xã hội sẽ để lại nhiều hậu quả về mặt xã hội. Ngược lại, chỉ chú trọng tới việc giải quyết các vấn đề xã hội sẽ triệt tiêu mất các động lực phát triển kinh tế mà suy cho cùng đó lại là sự bình quân cào bằng và bất công bằng xã hội trên một khía cạnh nào đó. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng xã hội trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển là quan điểm chỉ đạo cơ bản nhất quán xuyên suốt quá trình đổi mới của Đảng. Chú trọng giải quyết vấn đề này trong những năm đổi mới chúng ta đạt được những thành tựu rất cơ bản:

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế khá cao và toàn diện tạo cơ sở vật chất giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện chính sách phúc lợi đối với người có công với nước, thực hiện tốt chiến lược xóa đói, giảm nghèo.

Nhờ sự đổi mới tư duy về kinh tế, chúng ta đã tạo ra chuyển biến về chất của nền kinh tế: chuyển dịch cơ chế vận hành nền kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển dịch cơ cấu một thành phần sang nền kinh tế nhiều thành phần; chuyển dịch nền kinh tế khép kín sang nền kinh tế mở; chuyển dịch phương thức phân phối theo kiểu bình quân cào bằng sang đa dạng hóa hình thức phân phối. Như vậy về cơ bản chúng ta đã thiết lập được quan hệ sản xuất phù hợp hơn với trình độ lực lượng sản xuất hiện có.

Những chuyển biến mang tính cách mạng đó đã đưa lại sự tăng trưởng chưa từng có của nền kinh tế trong nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân mỗi năm từ 1986 đến 2000 đạt 6,3%. Trong đó tốc độ tăng GDP trong những năm 1986 - 1991 có sự dao động rất lớn, từ 2,8%

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

năm 1986 lên 6% năm 1991. Từ 1992 - 1997 tốc độ tăng trưởng GDP đều ở mức cao và khá ổn định (1992 đạt 8,6%; 1993: 8,1%; 1994: 8,8%; 1995: 9,5%; 1996: 9,3%; 1997: 8,2%). Do tác động của khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực từ năm 1997 - 1999 tốc độ tăng GDP nước ta cũng suy giảm theo. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP từ 2000 đến 2003 được khôi phục và đạt mức tăng bình quân 6,97%/năm⁽¹⁾. Đến năm 2005 tốc độ tăng trưởng đạt 8,4%. Với tốc độ tăng trưởng đó, nước ta đứng vào hàng các nước có tăng trưởng kinh tế khá cao so với trong khu vực. Những thành tựu đã đạt được trong tăng trưởng kinh tế tạo cơ sở vật chất để chúng ta thực hiện công bằng xã hội.

Nhờ những kết quả thu được từ tăng trưởng kinh tế, mỗi năm đã dành từ 24,4% đến 28,4% ngân sách nhà nước đầu tư cho các lĩnh vực xã hội. Hiện cả nước không còn hộ đói kinh niên, số hộ nghèo giảm rõ rệt, số hộ khá, giàu ngày một tăng; Tính đến ngày 31-12-2005 cả nước có 85% hộ gia đình chính sách, người có công với nước có mức sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình của cộng đồng nơi cư trú. Nhiều tỉnh, thành phố có 100% gia đình chính sách có mức sống tương tự⁽²⁾. Thu nhập và đời sống ở các vùng nông thôn, vùng nghèo đã tăng nhanh hơn tốc độ tăng thu nhập bình quân. "Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2004" của Ngân hàng thế giới nhận định: "Những thành tựu giảm nghèo của Việt Nam là một trong những câu chuyện thành công nhất trong phát triển kinh tế".

Trong 20 năm đổi mới (1986 - 2006), Đảng và Nhà nước ta đã hết sức chú ý trọng tạo cơ hội và năng lực cho người nghèo thông qua nhiều chương trình dự án. Hàng loạt các chiến lược quốc gia về vấn đề này đã ra đời. Điển hình như: chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chiến lược dân số; chiến lược quốc gia về dinh dưỡng; chương trình định canh, định cư... Đảng và Nhà nước còn chú trọng đến các vấn đề nâng cao kỹ năng, trình độ nghề nghiệp, tính năng động, năng lực lựa chọn nắm bắt cơ hội theo phương châm "cho người nghèo chiếc cần câu để câu lấy con

cá", cứu trợ họ để họ tự cứu trợ mình bằng chính năng lực của mình. Tất cả các việc làm trên đây không chỉ giúp cho các hộ thoát nghèo mà còn góp phần tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững. Theo kết quả điều tra của Ngân hàng thế giới, nước ta đã giảm từ 51% dân cư sống dưới mức nghèo khổ các năm 1992 - 1993 xuống 37% các năm 1997 - 1998; năm 2002 là 28,9%; 2005 là 26,25%.

Thứ hai, tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập đã tạo điều kiện để phát triển giáo dục, chăm sóc y tế, đời sống vật chất, tinh thần được nâng lên.

Những năm đổi mới vừa qua, sự nghiệp giáo dục - đào tạo có nhiều khởi sắc. Kết quả, đã xóa được mù chữ và tiếp tục duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, có 14 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và 15 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Số lượng người đi học từ năm 1986 - 1987 đến năm học 2002 - 2003 tăng 1,46 lần, trong đó bậc đại học, trên đại học tăng nhanh từ 91,2 nghìn sinh viên, học viên năm 1986 - 1987 lên 1.131,0 nghìn năm học 2002 - 2003, tăng hơn 12,2 lần.

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe của nhân dân tiếp tục đạt nhiều thành tựu. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được mở rộng, một số dịch bệnh nguy hiểm được đẩy lùi; nhân dân hầu hết các vùng, miền được chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng từ 68 năm 1999 lên 71,3 năm 2005. Đời sống văn hóa, thể thao giải trí cũng có nhiều khởi sắc. Số hộ có máy thu hình tăng từ 58% các năm 1997 - 1998 lên 67% vào các năm 2001 - 2002; Số hộ có xe máy tăng từ 24% lên 32% cùng thời gian trên. Số hộ ở nông thôn sử dụng điện chiếu sáng từ 71% các năm 1997 - 1998 lên 80% năm 1999 và 82,7% các năm 2001 - 2002. Số hộ sử dụng nước máy làm

(1) *Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 1955 - 2000 và 2001 - 2003*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2003

(2) Bùi Hồng Lĩnh: "Biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu...", *Tạp chí Cộng sản*, số 14 (tháng 7 năm 2006), tr 39

nguồn nước ăn uống từ 15% năm 1997 - 1998 lên 17% năm 2001 - 2002.

Với tất cả các thành tựu đó, mà trong Báo cáo về phát triển con người của Liên hợp quốc năm 2005, Việt Nam đã được chú ý như là một thành công tiêu biểu cho nhóm nước đang phát triển cân bằng được phát triển kinh tế và phát triển con người. Về kinh tế, Việt Nam còn là nước thu nhập thấp nhưng chỉ số phát triển con người của Việt Nam lại được coi là nước trung bình. Năm 2005, Việt Nam xếp thứ 108 trên 175 nước xếp hạng, tăng 4 bậc so với năm 2004. Có thể thấy sự tăng trưởng kinh tế những năm vừa qua là điều kiện khách quan cần thiết để hiện thực hóa những ý tưởng nhân văn của xã hội.

Thứ ba, thực hiện công bằng trong phân phối, đa dạng hóa các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế, tạo nhiều cơ hội để mỗi người có thể tham gia làm kinh tế theo điều kiện và khả năng có thể của mình, nhờ vậy kinh tế có nhiều khởi sắc.

Thời kỳ đổi mới, thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã khắc phục nhiều hạn chế từ hình thức phân phối bình quân chủ nghĩa trước đây. Nếu trong nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp người lao động thờ ơ, không quan tâm đến hiệu quả của sản xuất, thì trong cơ chế thị trường lại ngược lại, kết quả lao động và hiệu quả kinh tế của sản phẩm sẽ tác động một cách trực tiếp tới lợi ích của người lao động. Quan hệ này buộc người lao động phải làm việc một cách trách nhiệm hơn, hiệu quả hơn. Kinh tế thị trường tạo môi trường khách quan thực hiện phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế một cách công bằng.

Quyết định hiệu quả kinh tế của các quá trình sản xuất và kinh doanh không chỉ có nguồn lực con người, mà còn chịu sự quy định của hàng loạt các nguồn lực khác như vốn đầu tư, công cụ và tư liệu sản xuất... Phân phối nếu không coi trọng đúng mức đến sự đóng góp này sẽ hạn chế việc huy động nguồn vốn và các hình thức đầu tư khác từ dân chúng và như vậy

sẽ đánh mất cơ hội để phát triển sản xuất. Sự tham gia góp vốn, mua cổ phần của người lao động là một hình thức thắt chặt hơn nữa mối quan hệ người lao động với tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động của chính mình. Vì vậy, trong phân phối không chỉ cần chú ý đến sự đóng góp của lao động sống, mà còn phải chú ý tới mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh; đây là một nét mới trong quá trình đổi mới. Đó cũng là hình thức thực hiện công bằng xã hội từ góc nhìn đóng góp và hưởng thụ.

Cùng với hai hình thức phân phối trên, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn đòi hỏi phải chú ý đến việc phân phối thông qua phúc lợi xã hội như: thực hiện chính sách người có công với nước, với dân; chính sách bảo trợ những người già cả, cô đơn không nơi nương tựa; chính sách đối với trẻ em lang thang có hoàn cảnh khó khăn, chính sách bảo trợ phát triển xã hội ở vùng sâu, vùng xa... Trong những năm đổi mới vừa qua, việc thực hiện chế độ phân phối theo hiệu quả lao động, các nguồn lực đóng góp, các chính sách xã hội đã thật sự kích thích người lao động.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện đa dạng hóa loại hình sở hữu, thành phần kinh tế đã tạo nhiều cơ hội để mọi người có thể tham gia làm kinh tế tùy theo điều kiện và khả năng của mình. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước chủ trương thực hiện đa dạng hóa các loại hình sở hữu và các thành phần kinh tế. Các ngành nghề phát triển thêm nhiều, các hộ đăng ký sản xuất và kinh doanh tăng mạnh. Tính từ đầu năm 2000 đến tháng 9-2003 có 72.601 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với số vốn đăng ký 9,2 tỉ USD, gấp hơn 1,7 lần về số doanh nghiệp và gấp hơn 4 lần về vốn đăng ký so với giai đoạn 1991 - 1999. Năm 2003, tổng số lao động làm việc trong khu vực tư nhân khoảng 6 triệu người, chiếm 16% lực lượng lao động xã hội. Thực tế này cho thấy, cơ hội để mọi người tham gia vào việc phát triển kinh tế là nhiều hơn, phong phú, đa dạng hơn tùy thuộc vào điều kiện, cũng như khả năng

chủ động hội nhập của từng chủ thể góp phần tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quá trình giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội cũng đặt ra nhiều vấn đề chúng ta phải tiếp tục giải quyết.

Một là, tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở nước ta có xu hướng không đồng thuận, thiếu bền vững.

Khi quan sát các số liệu về thu nhập và chi tiêu của dân cư cho thấy, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo ở nước ta tiếp tục doãng ra. Thu nhập của 20% số hộ có thu nhập cao nhất so với thu nhập của 20% số hộ có thu nhập thấp nhất năm 1994 gấp 6,5 lần; năm 1997 gấp 7,0 lần; năm 1996 gấp 7,3 lần; năm 1999 gấp 7,6 lần và năm 2001 - 2002 gấp 8,1 lần. Giải quyết vấn đề tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội một cách bền vững không chỉ phải nhìn vào kết quả hiện tại mà còn nhìn vào sự chuẩn bị các tiền đề, cơ hội cho tương lai. Trong đó vấn đề việc làm và giáo dục có vai trò rất quan trọng.

Ở nước ta nguồn thu nhập chủ yếu của các hộ dân cư là từ lao động, vì vậy, việc quan tâm giải quyết vấn đề lao động việc làm là một trong những nhân tố cơ bản để tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội. Tuy vậy, lao động, việc làm đang là một vấn đề nan giải. Tình trạng thiếu việc làm ngày càng tăng, tỷ lệ thời gian sử dụng lao động thấp, thu nhập của người lao động không cao, không đủ để tái sản xuất sức lao động, thu nhập của người lao động chính không đủ để nuôi sống gia đình họ, nhất là những gia đình có nhiều người chưa đến tuổi lao động... những điều đó đã tác động mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống xã hội.

Mấy năm qua, mặc dù kinh tế có bước tăng cao nhưng hiệu quả của nó tác động đến người nghèo lại giảm tương đối. Theo một số nghiên cứu, nếu tăng trưởng kinh tế tăng 10% thì người nghèo chỉ được hưởng lợi 1/4 số đó. Trái lại nhóm các hộ giàu có thể khai thác nhiều hơn cơ hội tăng trưởng đó cho phúc lợi của mình. Kết quả này cho thấy, trong khi tăng trưởng kinh tế góp phần to lớn vào xóa đói, giảm nghèo thì

chính nó lại làm gia tăng thêm khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, do thành quả tăng trưởng không được chia sẻ một cách đồng đều mà lại theo hướng có lợi cho nhóm người vốn đã có cuộc sống dư dật khá giả hơn. Bởi lẽ hiện nay tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng tập trung vào các ngành đòi hỏi vốn cao, ít lao động và lao động có trình độ cao, điều này chắc chắn tác động trực tiếp đến người nghèo, những người mà bản thân ít vốn liếng, tri thức và trình độ cao để tham gia vào các ngành sản xuất đó. Cơ hội việc làm, thu nhập, tiếp cận thông tin, tri thức của người nghèo vì thế ngày càng thấp.

Hai là, những biểu hiện làm giàu bất chính như tham nhũng, buôn lậu, làm ăn phi pháp có xu hướng tăng, ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế - thực hiện công bằng xã hội.

Theo tổng kết của Bộ Công an, trong vòng 10 năm gần đây, các cơ quan chức năng đã bắt giữ 162.785 vụ buôn lậu và gian lận thương mại. Chỉ tính riêng năm 2003, thiệt hại do tội phạm kinh tế gây ra là 319 tỉ đồng, đến năm 2004 đã lên tới 712 tỉ đồng.

Bên cạnh đó, sự lãng phí ngân sách của một số cơ quan cũng ở mức báo động. Những lãng phí về việc mua ô tô vượt quá quy định, sử dụng điện thoại, chi phí hội nghị có thể trợ cấp cho hàng vạn gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng. Tình trạng tham nhũng trong thời gian qua diễn ra khá phổ biến, với những thủ đoạn tinh vi và quy mô lớn, trở thành quốc nạn. Theo bảng chỉ số nhận thức tham nhũng năm 2005 được Tổ chức minh bạch quốc tế công bố ngày 18-10-2005, Việt Nam được xếp hạng 107/159 nước với điểm số 2,6 - được coi là nước có tình trạng tham nhũng nặng nề.

Hậu quả của những hiện tượng trên làm thâm thủng, thất thoát ngân sách nhà nước và tài sản của nhân dân, làm giảm đáng kể vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế cũng như cơ hội cho người nghèo và người có công với Tổ quốc. Hơn nữa, nó tạo ra trong xã hội một số kẻ giàu vô lý, phá vỡ kỷ cương, phép nước, làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng cũng như vai trò quản lý của Nhà nước.

Ba là, sự phân hóa thu nhập có xu hướng gia tăng giữa các vùng, miền, đặc biệt tỷ lệ nghèo đói tập trung ở bộ phận dân cư nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, miền núi; sự đầu tư về giáo dục, sức khỏe và các dịch vụ khác chủ yếu thuộc về người có nhiều tiền.

Sự phân hóa thu nhập trong nền kinh tế thị trường là một tất yếu, song việc phân hóa đi quá xa, tập trung ở vùng nhạy cảm trong thời gian dài sẽ trở thành lực cản sự trên bước đường phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội. Đó cũng là nguyên nhân làm nảy sinh các mâu thuẫn xung đột về mặt chính trị, xã hội, đánh mất các cơ hội phát triển kinh tế.

Trước hết, phải kể đến sự phân hóa giữa nông thôn và thành thị ngày càng rõ rệt. Theo kết quả điều tra về mức sống dân cư của Tổng cục Thống kê, khoảng cách này năm 1996 là 2,71 lần; năm 1999 là 3,70 lần; năm 2000: 4,06 lần và đến năm 2001 là 4,45 lần⁽³⁾. Trong số 20% số dân nghèo nhất có tới 90% sống ở nông thôn, còn gần 2/3 số dân trong nhóm 20% giàu nhất thì sống ở thành thị. Mức sống của các hộ thành thị tính bình quân theo chỉ tiêu đầu người cao hơn 60% so với hộ nông thôn. Tính tới cuối năm 2005 đầu 2006, cứ 100 hộ nghèo có 8 hộ ở thành thị, 43,2 hộ ở nông thôn đồng bằng và 48,8 hộ ở nông thôn miền núi.

Số liệu thống kê cho thấy, không chỉ tình trạng nghèo hiện tại, mà ở các vùng này - căn cứ vào mức độ đầu tư lâu dài về giáo dục, sức khỏe - việc giải quyết tình trạng đói nghèo vẫn trong vòng luẩn quẩn, không dễ khắc phục trong một tương lai gần. Xu thế giảm nghèo là rõ rệt ở tất cả các vùng, các đối tượng, song tỷ lệ nghèo và tốc độ giảm nghèo có sự khác nhau khá rõ. Mặc dù đã có sự gia tăng mạnh mẽ về đầu tư, xong Tây Bắc, Tây Nguyên vẫn là các vùng còn nhiều khó khăn. Đây là những vùng đất nhạy cảm về mặt địa lý, dân tộc, dễ bị kích động, lợi dụng bởi những mưu đồ xấu, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia cũng như các vấn đề kinh tế - xã hội khác.

Hiện đang có sự chênh lệch khá lớn giữa các nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo về các khoản

chi cho các nhu cầu ngoài ăn uống. Năm 2002, nhóm 20% số hộ giàu có mức chi không phải ăn uống gấp 7,6 lần so với 20% số hộ nghèo, trong đó chi về nhà ở, điện nước gấp 10,6 lần; chi thiết bị đồ dùng gia đình gấp 7,8 lần; chi đi lại và bưu điện gấp 16 lần; chi hàng hóa, thể thao, giải trí gấp 104 lần... Như vậy, dường như kinh tế thị trường tạo điều kiện, cơ hội cho người giàu nhiều hơn trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, dịch vụ...; ngược lại, người có thu nhập thấp càng gặp khó khăn hơn trước sự bùng phát của vô số các thứ dịch vụ.

Đây là những xu thế vận động khó tránh khỏi không chỉ ở nước ta mà kể cả các nước khác trong quá trình phát triển. Nước ta do trình độ của lực lượng sản xuất còn lạc hậu, không đồng đều, dân số đông, có sự phức tạp về địa lý, điều kiện khí hậu, tài nguyên cũng như tập quán văn hóa các dân tộc. Vì vậy, việc giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội là điều không dễ.

Muốn thực hiện tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với công bằng xã hội, chúng ta phải chú trọng thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, như: Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các đoàn thể và tổ chức xã hội để kết hợp chặt chẽ các mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; Phát huy vai trò nhà nước trong việc điều tiết nền kinh tế thị trường cũng như giải quyết các mục tiêu xã hội; Kết hợp và thực hiện tốt hệ thống chính sách kinh tế với hệ thống chính sách xã hội; Hoàn thiện và thực thi chính sách xã hội theo hướng vừa đáp ứng công bằng xã hội vừa đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế; Mở rộng và phát huy dân chủ trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội; Nâng cao hiệu quả công tác chống tham nhũng, lãng phí, làm ăn phi pháp, tệ nạn xã hội; Tiếp tục phát triển và hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. □

(3) Tạp chí Cộng sản, số 17, tháng 6-2003, tr 21